

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo Quản trị nhân lực Chất lượng cao,
ngành Quản trị nhân lực, trình độ đại học hệ chính quy,
đào tạo theo hệ thống tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quy chế tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Kinh tế quốc dân ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐT ngày 9 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng Trường;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 17/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế quốc dân giai đoạn 2015-2017 và Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10/2017);

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT quy định chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/QĐ-ĐHKTQD ngày 20/01/2021 của Hiệu trưởng về việc thành lập Ban chỉ đạo và các tiểu ban rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình Tiên tiến, Chất lượng cao và POHE;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường tại cuộc họp ngày 17/9/2021 về việc đánh giá 10 chương trình đào tạo Chất lượng cao áp dụng từ khóa 63 (tuyển sinh năm 2021);

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo Tiên tiến, Chất lượng cao & POHE,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo Quản trị nhân lực Chất lượng cao, ngành Quản trị nhân lực, trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.



Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và áp dụng cho khóa 63 (tuyển sinh năm 2021)

Điều 3. Trường các Khoa/Viện có chuyên ngành đào tạo theo Chương trình Chất lượng cao, Viện trưởng Viện ĐTTT, CLC & POHE và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: 

- Đảng ủy, HĐT (để báo cáo)
- BGH (để chỉ đạo);
- Như Điều 3;
- Công TTĐT (để thông báo)
- K.KT&QLNNL
- Lưu TH, V.ĐTTT, CLC & POHE



PGS.TS Phạm Hồng Chương





**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Chương trình Chất lượng cao)

*(Ban hành theo Quyết định số 1586 ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng
Trường ĐH KTQD)*

Ngành: QUẢN TRỊ NHÂN LỰC

Major: Human Resource Management

CHƯƠNG TRÌNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO

Program: Human Resource Management

Mã ngành (Code of Major): 7340404

Hệ: CHÍNH QUY

Type of Education: Full-time

Xây dựng từ chương trình đào tạo của Đại học Kinh tế Quốc dân;
Đại học Tổng hợp Bang California, Long Beach, Hoa Kỳ; Đại học Rmit Australia
*(Based on the curriculum of the NEU; California State University, Long Beach,
USA; Rmit University, Australia)*

HÀ NỘI – 9/2021

MỤC LỤC

1. MỤC TIÊU / OBJECTIVE	1
2. CHUẨN ĐẦU RA/NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC/ LEARNER CAPABILITIES ...	2
3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA.....	3
4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH/ APPLICANTS FOR ENROLLMENT	3
5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP/ (STUDY PROCESS AND GRADUATION REQUIREMENTS)	4
6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ:	4
7. CẤU TRÚC, NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY.....	5
7.1. Cấu trúc kiến thức	5
7.2. Nội dung và Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)	5
8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN/INSTRUCTION.....	10

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHKTQD ngày tháng năm 2021 của Hiệu trưởng)

CHƯƠNG TRÌNH (PROGRAM):	CỬ NHÂN QUẢN TRỊ NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO (ADVANCED BACHELOR OF HUMAN RESOURCE MANAGEMENT)
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO (LEVEL OF EDUCATION):	ĐẠI HỌC (UNDERGRADUATE)
NGÀNH ĐÀO TẠO (MAJOR):	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC (HUMAN RESOURCE MANAGEMENT)
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO (CODE):	7340404
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO (TYPE OF EDUCATION):	CHÍNH QUY (FULL - TIME)

1. MỤC TIÊU / OBJECTIVE

CTĐT trình độ đại học ngành Quản trị nhân lực đào tạo cử nhân Quản trị nhân lực có phẩm chất, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, hợp tác, tin cậy và chủ động trong công việc; có năng lực thực hành hiệu quả và dẫn dắt về chuyên môn quản trị nhân lực và có năng lực tự học tập, nghiên cứu và thích ứng với điều kiện môi trường luôn biến động. Chương trình đào tạo cử nhân Quản trị nhân lực cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về kinh tế, quản trị kinh doanh; kiến thức hệ thống, hiện đại, chuyên sâu về mối quan hệ giữa con người, công việc, tổ chức; các thực tiễn, lý thuyết, quy trình và xu hướng quản trị nguồn nhân lực, rèn luyện kỹ năng xây dựng, đánh giá, tổ chức thực hiện và cải thiện các hoạt động quản trị nhân lực đóng góp vào hiệu quả hoạt động của tổ chức; kỹ năng sử dụng các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng để phân tích, diễn giải các dữ liệu; áp dụng hệ thống thông tin nguồn nhân lực để hỗ trợ cho phân tích, giải quyết các vấn đề và ra quyết định trong lĩnh vực quản trị nhân lực của mọi loại tổ chức một cách hệ thống và sáng tạo trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0.

Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp: Cử nhân Quản trị nhân lực có thể làm việc tại các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, cơ quan

quản lý nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức tài chính - ngân hàng, quỹ đầu tư... với chức danh như chuyên viên tuyển dụng, chuyên viên đào tạo, chuyên viên tiền lương và phúc lợi, chuyên viên quản lý nhân sự, chuyên viên tổ chức bộ máy, chuyên viên truyền thông nội bộ...

Cử nhân ngành Quản trị nhân lực sau khi tích lũy kinh nghiệm có khả năng trở thành giám đốc quản lý nhân sự; giám đốc/trưởng các bộ phận thực hiện chức năng quản trị nhân lực (giám đốc đào tạo, giám đốc tuyển dụng, giám đốc tiền lương và phúc lợi); chuyên gia tư vấn trong lĩnh vực quản trị nhân lực tại các công ty tư vấn, dự án tư vấn trong lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực,

Cử nhân ngành Quản trị nhân lực, nếu tiếp tục được đào tạo ở trình độ sau đại học thì có thể trở thành giảng viên, cán bộ nghiên cứu trong các viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo về kinh tế và quản trị kinh doanh, quản trị nhân lực.

2. CHUẨN ĐẦU RA/NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC/ LEARNER CAPABILITIES

Sau khi học xong chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực, sinh viên có khả năng:

PLO1: hiểu biết hệ thống về mối quan hệ giữa con người, công việc, tổ chức; các thực tiễn, lý thuyết, mô hình và xu hướng quản lý nguồn nhân lực, và vận dụng tích hợp các kiến thức này để xây dựng, đánh giá, tổ chức thực hiện các hoạt động quản trị nhân lực; đề xuất các phương án giải quyết các vấn đề về nguồn nhân lực của tổ chức, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của cá nhân và phát triển tổ chức.

- PLO 1.1: Hiểu biết về (1) hành vi con người, chức năng quản lý và cơ cấu tổ chức; (2) quy trình và các chức năng kinh doanh chính của tổ chức (3) môi trường kinh doanh trong nước và toàn cầu (4) các lý thuyết, thực tiễn và xu hướng quản trị nguồn nhân lực (5) mối quan hệ giữa các bên liên quan trong tổ chức.
- PLO 1.2: Vận dụng các khái niệm, lý thuyết và mô hình liên quan để xây dựng, quản lý và đánh giá các thực tiễn quản trị nhân lực của tổ chức
- PLO1.3: Vận dụng các lý thuyết về khoa học hành vi, kinh tế và quản lý để phân tích các vấn đề liên quan đến quản lý nguồn nhân lực và quan hệ lao động trong tổ chức.
- PLO 1.4: Phát hiện vấn đề và đề xuất các biện pháp hiệu quả và sáng tạo nhằm giải quyết các vấn đề về nguồn nhân lực trong tổ chức.
- PLO 1.5: Đánh giá môi trường bên trong và bên ngoài tổ chức và ảnh hưởng của mối quan hệ giữa chúng tới chức năng quản trị nhân lực của tổ chức

PLO2: thể hiện kỹ năng phân tích định lượng và công nghệ trong phân tích và

diễn giải các dữ liệu kinh doanh, các dữ liệu về nguồn nhân lực của tổ chức phục vụ cho các quyết định quản lý trong tổ chức.

PLO3: thể hiện các kỹ năng giao tiếp bằng văn bản và bằng lời hiệu quả với đối tượng mục tiêu khác nhau trong bối cảnh đa dạng.

PLO 4: thể hiện kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 130 tín chỉ

Khối lượng học tập của chương trình đào tạo cử nhân ngành chuyên sâu Quản trị nhân lực phù hợp với yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, gồm 130 tín chỉ (viết tắt là TC), không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng, các lớp tiếng Anh tăng cường do chuyên gia nước ngoài giảng dạy và các lớp kỹ năng mềm được thực hiện bởi các tổ chức chuyên nghiệp. Chi tiết như sau:

Chương trình giảng dạy Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng theo quy định của pháp luật và quy chế của Trường;

Ngoại ngữ, tiếng Anh tăng cường theo Đề án ngoại ngữ dành cho sinh viên chương trình Chất lượng cao nhằm đáp ứng chuẩn ngoại ngữ theo quy định;

Tham quan, thực hành, thực tế tại các tổ chức, doanh nghiệp, công ty, cơ sở sản xuất trong hoặc ngoài nước;

Tham gia các khóa đào tạo chứng chỉ nghề nghiệp thông qua hợp tác với các đơn vị sử dụng lao động, doanh nghiệp để trang bị kiến thức thực tế đối với nghề nghiệp đào tạo.

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH/ APPLICANTS FOR ENROLLMENT

Người học phải đạt chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo, cụ thể người học phải đạt tiêu chuẩn theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

Ngoài ra, người học phải vượt qua kỳ thi đầu vào chương trình Chất lượng cao; đáp ứng yêu cầu về trình độ tiếng Anh để theo học chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Quản trị nhân lực theo quy định của Trường.

Tự nguyện tham gia vào chương trình đào tạo chất lượng cao ngành chuyên sâu Quản trị nhân lực.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP/ (STUDY PROCESS AND GRADUATION REQUIREMENTS)

• Thời gian đào tạo thiết kế là 4 năm, bao gồm cả học tăng cường tiếng Anh và thời gian thực tập cuối khóa.

• Điều kiện tốt nghiệp: Theo quy định hiện hành của trường Đại học Kinh tế quốc dân và quy định riêng biệt trong quy chế đào tạo áp dụng cho các sinh viên theo học chương trình chất lượng cao. Sinh viên phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc và số học phần tự chọn theo yêu cầu của chương trình đào tạo, tổng lượng kiến thức là 130 tín chỉ và phải hoàn thành các học phần Giáo dục thể chất và đạt chứng chỉ Giáo dục quốc phòng.

Đồng thời, sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra Tin học và ngoại ngữ theo quy định của dành cho sinh viên Chương trình chất lượng cao.

6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ: Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

Các học phần của chương trình được đánh giá theo thang điểm 10 hoặc thang điểm 4, được ghi cả bằng số và bằng chữ. Thang điểm 10 được quy đổi sang điểm chữ như sau:

a) Loại đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Từ 9,0 đến 10	A+	4,0
2	Từ 8,5 đến 8,9	A	4,0
3	Từ 8,0 đến 8,4	B+	3,5
4	Từ 7,0 đến 7,9	B	3,0
5	Từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5
6	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
7	Từ 5,0 đến 5,4	D+	1,5
8	Từ 4,5 đến 4,9	D	1,0

b) Loại không đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Dưới 4,5	F	0,0

7. CẤU TRÚC, NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

7.1. Cấu trúc kiến thức

Kiến thức	Khối lượng (Tín chỉ)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương	47	
1.1. Các học phần chung	23	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	Trường quy định bắt buộc 4 HP
1.3. Các học phần của ngành	12	Khoa/Viện tự chọn 4 HP chung bắt buộc cùng lĩnh vực và vẫn đảm bảo tính đặc thù của CT CLC từ tổ hợp của Trường
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	83	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	15	
2.1.1. Các học phần của Trường	6	Các ngành cùng nhóm ngành lựa chọn 4-5 học phần bắt buộc chung cho nhóm ngành, Khoa/Viện tự xây dựng trên nền tảng chung của nhóm ngành và vẫn đảm bảo tính đặc thù của CT CLC
2.1.2. Các học phần của ngành	9	Khoa tự xây dựng
2.2. Kiến thức ngành	43	Khoa tự xây dựng
2.2.1. Các học phần bắt buộc	28	Khoa tự xây dựng
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
2.3. Kiến thức chuyên sâu	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
2.4. Đề án, Khóa luận tốt nghiệp	10	
TỔNG SỐ	130	Không kể GDQP&AN và GDTC

7.2. Nội dung và Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

Kế hoạch học tập chuẩn

TT	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Học kỳ							
						Semester							
						1	2	3	4	5	6	7	8
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG				47		21	16	16	0	0	0	0	0
1.1. Các học phần chung				23		9	10	10	0	0	0	0	0
1	1	LLNL1105	Triết học Mác Lê Nin <i>Marxist-Leninist philosophy</i>	3	Tiếng Việt	3							
2	2	LLNL1106	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin <i>Political economics of marxism and leninism</i>	2	Tiếng Việt		2						

3	3	LLNL1107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Tiếng Việt		2											
			<i>Scientific socialism</i>															
4	4	LLSD1102	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Tiếng Việt		2											
			<i>Vietnam Communist Party History</i>															
5	5	LLTT1101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tiếng Việt		2											
			<i>Ho Chi Minh Ideology</i>															
6	6	TAAEP01	Tiếng Anh 1,2,3	12	Tiếng Việt	4	8											
		TAAEP02 TAAEP03	English 1,2,3															
		GDTC	Giáo dục thể chất	x	Tiếng Việt	x	x	x	x									
			<i>Physical Education</i>															
		GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh /	x	Tiếng Việt			x										
			<i>Military Education</i>															
1.2. Các học phần bắt buộc của Trường				12		9	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	1	TOCB1110	Toán cho các nhà kinh tế	3	Tiếng Việt	3												
			<i>Mathematics for Economics</i>															
8	2	LUCS1129	Pháp luật đại cương	3	Tiếng Việt	3												
			<i>Fundamentals of Laws</i>															
9	3	KHMI1101	Kinh tế vi mô 1 (V/E)	3	Tiếng Việt /Tiếng Anh	3												
		KHMI1101E	<i>Microeconomics 1</i>															
10	4	KHMA1101	Kinh tế vĩ mô 1 (V/E)	3	Tiếng Việt /Tiếng Anh		3											
		KHMA1101E	<i>Macroeconomics 1</i>															
1.3. Các học phần của ngành				12		3	3	6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	1	TKKD1129	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh	3	Tiếng Việt		3											
			Statistics in Economics and Business															
12	2	TIHT1102	Hệ thống thông tin quản lý	3	Tiếng Việt	3												
			<i>Management Information Systems</i>															
13	3	MKMA1104 E	Marketing căn bản	3	Tiếng Anh		3											
			<i>Principles of</i>															

			<i>Marketing</i>											
14	4	QTTH1102E	Quản trị kinh doanh 1 <i>Business Management 1</i>	3	Tiếng Anh			3						
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				73		0	3	3	18	17	17	15	10	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành				15		0	0	3	9	3	0	0	0	
15	1	QTKD1132E	Quản trị chiến lược <i>Strategic Management</i>	3	Tiếng Anh				3					
16	2	KTKE1101E	Nguyên lý kế toán <i>Accounting Principles</i>	3	Tiếng Anh			3						
17	3	NLQT1103E	Quản trị nhân lực <i>Human Resource Management</i>	3	Tiếng Anh				3					
18	4	NLQT1102E	Hành vi tổ chức <i>Organizational Behavior</i>	3	Tiếng Anh				3					
19	5	NLKT1115E	Kinh tế lao động <i>Labor Economics</i>	3	Tiếng Anh					3				
2.2. Kiến thức ngành				43		0	3	0	9	8	14	9	0	
2.2.1. Các học phần bắt buộc				28		0	0	0	3	5	11	9	0	
20	1	NLQT1112E	Quản trị nhân lực quốc tế <i>International Human Resource Management</i>	3	Tiếng Anh								3	
21	2	NLQT1117E	Tuyển dụng nhân lực <i>Human Resource Staffing</i>	3	Tiếng Anh					3				
22	3	NLQT1111E	Quản trị nhân lực chiến lược <i>Strategic Human Resource Management</i>	3	Tiếng Anh							3		
23	4	NLQT1110E	Phân tích và quản lý thực hiện công việc <i>Job analysis and Performance Management</i>	3	Tiếng Anh							3		
24	5	NLKT1106E	Phát triển nguồn nhân lực <i>Human Resource Development</i>	3	Tiếng Anh								3	

25	6	NLQT1119E	Quản trị thù lao lao động <i>Compensation Management</i>	3	Tiếng Anh													3	
26	7	NLQT1115	Tổ chức và định mức lao động 1 <i>Labour Organization and Standardization 1</i>	3	Tiếng Việt					3									
27	8	NLQT1116	Tổ chức và định mức lao động 2 <i>Labour Organization and Standardization 2</i>	3	Tiếng Việt													3	
28	9	NLQT1122E	Thực tập giữa kỳ <i>Midterm internship in HRM</i>	2	Tiếng Anh													2	
29	10	NLQT1118E	Đề án môn học - Quản trị nhân lực <i>Essay on Human Resource Management</i>	2	Tiếng Anh													2	
2.2.2. Các học phần tự chọn của ngành				15		0	3	0	6	3	3	0	0						
(SV tự chọn 05 học phần trong tổ hợp sau)																			
30 - 34	1	NLQT1120E	Tiếng Anh ngành Quản trị nhân lực <i>English for Human Resource Management</i>	3	Tiếng Anh					3									
	2	LUKD1108	Luật lao động <i>Labour Law</i>	3	Tiếng Việt			3											
	3	NLDS1103E	Dân số và phát triển <i>Population and Development</i>	3	Tiếng Anh			3											
	4	NLXH1101	Tâm lý học lao động <i>Labour Psychology</i>	3	Tiếng Việt					3									
	5	KTQT1105	Phân tích kinh doanh <i>Business Analysis</i>	3	Tiếng Việt									3					
	6	QTKD1118	Quản trị điều hành dự án <i>Project Execution</i>	3	Tiếng Việt														3

			<i>Management (PEM)</i>																
	7	NLKT1120	Quản trị đàm phán <i>Negotiation Management</i>	3	Tiếng Việt														3
	8	NHTC1120	Tài chính doanh nghiệp <i>Corporate Finance</i>	3	Tiếng Việt								3						
	9	QTKD1109	Quản trị tác nghiệp <i>Operations Management</i>	3	Tiếng Việt														3
	10	QTVH1107	Đạo đức kinh doanh <i>Business Ethic</i>	3	Tiếng Việt							3							
	11	TMKD1101	Kinh doanh quốc tế 1 <i>International Business 1</i>	3	Tiếng Việt							3							
	2.3. Kiến thức chuyên sâu			15									6	3	6				
35 - 39	1	NLQT1123E	Phân tích nguồn nhân lực <i>Human Resource Analytics</i>	3	Tiếng Anh														3
	2	NLKT1109	Quan hệ lao động <i>Industrial Relation/Labour Relation</i>	3	Tiếng Việt								3						
	3	NLQT1107E	Chuyên đề Quản trị nhân lực <i>Human Resource Management Special Study</i>	3	Tiếng Anh														3
	4	QTVH1110	Quản trị đa văn hóa <i>Cross-culture management</i>	3	Tiếng Việt														3
	5	NLQT1121E	Hệ thống thông tin nguồn nhân lực <i>Human Resource Information System</i>	3	Tiếng Anh									3					
	6	NLKT1118E	Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp <i>Occupational Health and Safety Management</i>	3	Tiếng Anh														3
40	2.4.	NLQT1108E	Khóa luận tốt nghiệp - Quản trị	10	Tiếng Anh														10

			<i>nhân lực</i>										
			<i>(Internship Programme-Human Resource Management)</i>										
			Tổng số TC toàn khóa	130		21	19	19	18	17	17	15	10

8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN/INSTRUCTION

– CTĐT được thực hiện trong 04 năm. Mỗi năm có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ (học kỳ hè) theo học chế tín chỉ.

– Nội dung cần đạt được của từng học phần, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong Đề cương chi tiết mỗi học phần. Đề cương chi tiết của từng học phần phải gắn với chuẩn đầu ra của chuyên ngành đào tạo.

– Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên cần tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra tin học và ngoại ngữ theo công bố của Chương trình Tiên tiến, Chất lượng cao và POHE, có chứng chỉ GDQP-AN và hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

TRƯỞNG KHOA

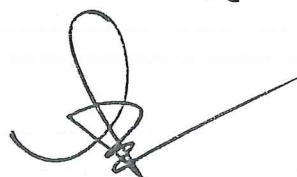
KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ NNL



PGS.TS. Vũ Hoàng Ngân

HIỆU TRƯỞNG 

TRƯỜNG ĐH. KINH TẾ QUỐC DÂN



PGS.TS. Phạm Hồng Chương